SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CHỖ NGỒI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2026 (SÁNG THỨ 7, 28/11/2026)

LÀU 1

SÂN KHẤU

VIP

	Khách mời								
B	Khách mời								B
C	*BA	1	2	3	4	5	6	*BT	7	C
D	8	*QLC	9	10	11	12	13			D
E	*BA	14	15	16	17	18	19	20	21	E
F	22	23	24	25	26	27	28	29	30	F
G	31	32	33	34	35	36	*BE	37	38	G
H	39	*BT	40	41	42	43	44	45	46	H
I	47	48	49	49a	50	51	52	53	54	I
J	*EE	55	56	*IT	57	58	59	60	61	J
K	62	63	64	*IEM	65	66	67	68	69	K
L	70	71	72	73	74	75	76	77	78	L
M	79	80	81	82	83	84	85	86	87	M
N	88	89	90	91	92	93	94	95	96	N
O	97	*QLC	99	100	101	102	103	104	105	O

VIP

	Khách mời								
B	Khách mời								B
C	106	107	108	109	110	111	112	113	114	C
D	115	116	117	118	119	120	121	122	123	D
E	124	125	126	127	128	129	130	131	132	E
F	133	134	135	136	137	138	139	140	141	F
G	142	143	144	145						G
H	*BT	146	147	148	149	150	151	152	153	H
I	154	155	156	157	158	159	160	161	*bt	I
J	*IT	162	163	164	165	166	167	168	169	J
K	170	171	172	*it						K
L	*EN	173	174	175	176	177	178	179	180	L
M	181	182	183	184	185	186	187	188	189	M
N	190	191	192	193	194	195	196	197	198	N
O	199	200	201	202	203	204	205	206	207	O

VIP

	Khách mời								
B	Khách mời								B
C	208	209	210	211	212	213	214	215	216	C
D	217	218	219	220	221	222	223	224	225	D
E	226	227	228	229	230	231	232	233	234	E
F	235	236	237	238	239	240	241	242	243	F
G	244	245	246	247	248	249	*en			G
H	*BA	250	251	252	253	254	255	256	257	H
I	258	259	260	261	262	263	264	265	266	I
J	267	268	269	270	271	272	273	274	275	J
K	276	277	278	279	280	281	282	283	284	K
L	285	286	287	288	289	290	291	292	293	L
M	294	295	296	297	298	299	300	301	302	M
N	303	304	305	306	307	308	309	310	311	N
O	312	313	314	315	316	317	318	319	320	O

VIP

	Khách mời								
B	Khách mời								B
C	321	322	323	324	325	326	327	328	329	C
D	330	331	332	333	334	335	336	337	338	D
E	339	340	341	342	343	344	345	346	347	E
F	348	349	350	351	352	353	354	355	356	F
G	357	358	359	360	361	362	363	364	365	G
H	366	367	368	369	370	371	372	373	374	H
I	375	376	377	378	379	380	381	382	383	I
J	384	385	386	387	388	389	390	391	392	J
K	393	394	395	396	*ba					K
L	*AD	397	398	399	*ad					L
M										M
N										N
O										O

Đường lên — Đường xuống

*AB GV đầu — *ab GV cuối

DANH SÁCH BỐ TRÍ CHỖ NGỒI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP 2026 (SÁNG 7)

STT	MSSV	Họ tên	Ngành	Khoa	Huy chương
1	PBAIU21003	Trần Thị Vân Trang	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh	SĐH	Khen thưởng NCKH
2	PBAIU17004	Trần Hoàng Cẩm Tú	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh	SĐH	
3	PBAIU17010	Dương Trọng Nhân	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh	SĐH	
4	PBAIU19002	Hoàng Thị Quế Hương	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh	SĐH	
5	PBAIU21005	Dương Bảo Trung	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh	SĐH	
6	PBAIU20005	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh	SĐH	
7	PBTIU15001	Lê Văn Cảnh	Tiến sĩ Công nghệ Sinh học	SĐH	
8	PBTIU17003	Đỗ Thị Hoàng Tuyến	Tiến sĩ Công nghệ Sinh học	SĐH	
9	PPMIU22006	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Tiến sĩ Quản lý Công	SĐH	Khen thưởng NCKH
10	PPMIU22015	Đào Văn Hân	Tiến sĩ Quản lý Công	SĐH	
11	PPMIU20002	Huỳnh Hữu Phước Thọ	Tiến sĩ Quản lý Công	SĐH	
12	PPMIU20004	Mai Tấn Bình	Tiến sĩ Quản lý Công	SĐH	
13	PPMIU22008	Đoàn Bảo Sơn	Tiến sĩ Quản lý Công	SĐH	
14	MBAIU23033	Tô Đình Phước	Quản trị Kinh doanh	SĐH	Huy chương vàng
15	MBAIU24021	Nguyễn Minh Thu	Quản trị Kinh doanh	SĐH	Huy chương bạc
16	MBAIU20021	Đặng Ngọc Thuận Minh	Quản trị Kinh Doanh	SĐH	
17	MBAIU20028	Trần Ngọc Thanh Trúc	Quản trị Kinh Doanh	SĐH	
18	MBAIU21002	Trịnh Thị Thanh Hiền	Quản trị Kinh Doanh	SĐH	
19	MBAIU21008	Phạm Nguyễn Khánh Ngân	Quản trị Kinh Doanh	SĐH	
20	MBAIU21020	Nguyễn Anh Tuấn	Quản trị Kinh Doanh	SĐH	
21	MBAIU22006	Phan Thanh Thảo	Quản trị Kinh Doanh	SĐH	
22	MBAIU22002	Đỗ Thị Thanh Mai	Quản trị Kinh Doanh	SĐH	
23	MBAIU22011	Tăng Phương Mai	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
24	MBAIU23015	Hakyung Kim	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
25	MBAIU23016	Lưu Quang Minh	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
26	MBAIU23021	Võ Thị Mỹ Duyên	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
27	MBAIU23023	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
28	MBAIU23025	Ngô Thị Thu Huyền	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
29	MBAIU23029	Trần Bảo Long	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
30	MBAIU23030	Phạm Thị Xuân Mai	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
31	MBAIU23031	Trịnh Yến Nhi	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
32	MBAIU23035	Cù Trần Quang Thông	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
33	MBAIU23037	Tạ Thị Anh Thư	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
34	MBAIU23038	Nguyễn Thị Hoàng Tuyên	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
35	MBAIU23041	Dương Hoàng Bảo Vy	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
36	MBAIU24001	Đặng Mai Chi	Quản trị Kinh doanh	SĐH	
37	MBEIU24001	Nguyễn Tiến Đạt	Kỹ thuật Y sinh	SĐH	Khen thưởng NCKH, Huy chương vàng
38	MBEIU21002	Nguyễn Hồ Song Hảo	Kỹ thuật Y sinh	SĐH	Khen thưởng NCKH
39	MBEIU22004	Vũ Lâm Thông	Kỹ thuật Y sinh	SĐH	Khen thưởng NCKH
40	MBTIU21005	Lại Ngọc Bảo Trân	Công nghệ Sinh học	SĐH	Khen thưởng NCKH, Huy chương bạc
41	MBTIU21006	Nguyễn Đặng Anh Vy	Công nghệ Sinh học	SĐH	Khen thưởng NCKH
42	MBTIU21008	Huỳnh Thảo Nhi	Công nghệ Sinh học	SĐH	Khen thưởng NCKH
43	MBTIU21011	Lê Hoàng Ngọc Lan	Công nghệ Sinh học	SĐH	Khen thưởng NCKH
44	MBTIU22002	Nguyễn Hoàng Minh Ngọc	Công nghệ Sinh học	SĐH	Khen thưởng NCKH
45	MBTIU23006	Huỳnh Thị Kiều Oanh	Công nghệ Sinh học	SĐH	Khen thưởng NCKH
46	MBTIU23012	Dương Diễm Quỳnh	Công nghệ Sinh học	SĐH	Khen thưởng NCKH
47	MBTIU21002	Châu Ngọc Thảo Hiền	Công nghệ Sinh học	SĐH	
48	MBTIU21007	Trần Thị Ngọc Hằng	Công nghệ Sinh học	SĐH	
49	MBTIU21013	Trịnh Thị Xuân	Công nghệ Sinh học	SĐH	
49a	MBTIU23014	Phạm Uyên Mai Trâm	Công nghệ Sinh học	SĐH	
50	MFTIU22001	Đinh Yến Nhi	Công nghệ thực phẩm	SĐH	Khen thưởng NCKH
51	MFTIU23003	Trương Diệu Huỳnh	Công nghệ thực phẩm	SĐH	Khen thưởng NCKH
52	MFTIU23005	Lê Thùy Linh	Công nghệ thực phẩm	SĐH	Khen thưởng NCKH
53	MFTIU23008	Châu Minh Thuận	Công nghệ thực phẩm	SĐH	Khen thưởng NCKH
54	MFTIU22003	Nguyễn Thanh Nhi	Công nghệ thực phẩm	SĐH	
55	MEEIU25004	Nguyễn Kính Quang Thuận	Kỹ thuật Điện tử	SĐH	Khen thưởng NCKH, Huy chương bạc
56	MEEIU21002	Nguyễn Ngọc Huy	Kỹ thuật Điện tử	SĐH	
57	MITIU24204	Nguyễn Đình Thông	Công nghệ Thông tin	SĐH	Huy chương bạc
58	MITIU23203	Lê Thị Phương Linh	Công nghệ Thông tin	SĐH	
59	MITIU23206	Nguyễn Ngọc Vũ	Công nghệ Thông tin	SĐH	
60	MITIU24203	Nguyễn Hoàng Phú	Công nghệ Thông tin	SĐH	
61	MITIU22107	Vũ Việt Phương	Quản lý Công nghệ thông tin	SĐH	
62	MITIU23103	Nguyễn Long	Quản lý Công nghệ thông tin	SĐH	
63	MITIU23104	Ung Thanh Trà	Quản lý Công nghệ thông tin	SĐH	
64	MITIU24101	Đinh Bảo Châu	Quản lý Công nghệ Thông tin	SĐH	
65	MIEIU24001	Nguyễn Hoài An	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	Huy chương bạc

STT	MSSV	Họ tên	Ngành	Khoa	Huy chương
66	MIEIU20012	Nguyễn Thị Trinh	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
67	MIEIU22002	Nguyễn Kiều Việt Hưng	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
68	MIEIU22003	Nguyễn Phi Long	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
69	MIEIU23003	Trần Phương Nhã Uyên	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
70	MIEIU23004	Từ An Hiền	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
71	MIEIU23007	Nguyễn Hoàng Lâm	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
72	MIEIU23008	Nguyễn Văn Phước	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
73	MIEIU23009	Nguyễn Lê Minh Thông	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	SĐH	
74	MLSIU23020	Phan Tuệ Như	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	Huy chương vàng
75	MLSIU22002	Hoàng Trung Hiếu	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
76	MLSIU22009	Nguyễn Lê Đông Nhi	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
77	MLSIU23001	Trương Thị Huỳnh Anh	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
78	MLSIU23002	Thái Gia Bảo	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
79	MLSIU23004	Nguyễn Thành Danh	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
80	MLSIU23005	Nguyễn Sỹ Anh Đức	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
81	MLSIU23007	Nguyễn Thành Hiệp	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
82	MLSIU23009	Nguyễn Thị Thảo Linh	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
83	MLSIU23010	Dương Nguyễn Vĩnh Phú	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
84	MLSIU23011	Trần Nguyễn Như Phương	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
85	MLSIU23012	Võ Khải Quyên	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
86	MLSIU23013	Tôn Mỹ Sang	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
87	MLSIU23014	Nguyễn Hồng Thanh Thảo	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
88	MLSIU23015	Nguyễn Duy Thuận	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
89	MLSIU23016	Bùi Thị Hồng Tươi	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
90	MLSIU23018	Võ Xuân Mai	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
91	MLSIU23019	Phạm Khôi Nguyên	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
92	MLSIU23021	Nguyễn Trần Thúy Vy	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
93	MLSIU24003	Phan Châu Dung	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
94	MLSIU24005	Võ Minh Khiêm	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
95	MLSIU24007	Trần Nguyễn ánh Ngọc	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
96	MLSIU24008	Đoàn Nguyễn Yến Nhi	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
97	MLSIU24013	Nguyễn Thị Tường Vy	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	SĐH	
98	MPMIU23032	Phạm Hồng Sơn	Quản lý công	SĐH	Huy chương vàng
99	MPMBT24018	Bùi Ngọc Yến	Quản lý công	SĐH	Huy chương bạc
100	MPMIU20031	Phan Trung Bảo Ngọc	Quản lý công	SĐH	
101	MPMIU21001	Lê Nguyễn Phú An	Quản lý công	SĐH	
102	MPMIU21002	Nguyễn Thị Phương Ánh	Quản lý công	SĐH	
103	MPMIU21006	Trần Hữu Dũng	Quản lý công	SĐH	
104	MPMIU21007	Nguyễn Phạm Đức Duy	Quản lý công	SĐH	
105	MPMIU21026	Trần Quang Tuyên	Quản lý công	SĐH	
106	MPMIU22007	Nguyễn Ngọc Quyên	Quản lý công	SĐH	
107	MPMIU22006	Nguyễn Huy Phát	Quản lý công	SĐH	
108	MPMIU22015	Trần Cao Vinh	Quản lý công	SĐH	
109	MPMIU22010	Đặng Ngọc Thanh Thảo	Quản lý công	SĐH	
110	MPMIU22013	Nguyễn Hữu Trí	Quản lý công	SĐH	
111	MPMIU22008	Nguyễn Thanh Tiến	Quản lý công	SĐH	
112	MPMIU22009	Hồ Trung Tín	Quản lý công	SĐH	
113	MPMIU22019	Ngô Quan Đạo	Quản lý công	SĐH	
114	MPMIU23003	Ngô Khánh Duy	Quản lý công	SĐH	
115	MPMIU23005	Trương Hoàng Hà	Quản lý công	SĐH	
116	MPMIU23006	Lý Huỳnh Hữu Lành	Quản lý công	SĐH	
117	MPMIU23009	Vũ Thị Hoàng Oanh	Quản lý công	SĐH	
118	MPMIU23012	Đặng Hữu Tâm	Quản lý công	SĐH	
119	MPMIU23015	Nguyễn Thùy Trang	Quản lý công	SĐH	
120	MPMIU23016	Nguyễn Thị Kim Tươi	Quản lý công	SĐH	
121	MPMIU23020	Nguyễn Trần Đức Duy	Quản lý công	SĐH	
122	MPMIU23021	Nguyễn Võ Tấn Đạt	Quản lý công	SĐH	
123	MPMIU23024	Hoàng Mạnh Hiển	Quản lý công	SĐH	
124	MPMIU23026	Nguyễn Hoàng Khang Kiện	Quản lý công	SĐH	
125	MPMIU23027	Nguyễn Thành Lân	Quản lý công	SĐH	
126	MPMIU23028	Võ Thị Kim Liên	Quản lý công	SĐH	
127	MPMIU23030	Nguyễn Thanh Nguyên	Quản lý công	SĐH	
128	MPMIU24008	Trương Thanh Phong	Quản lý công	SĐH	
129	MPMAG22001	Bùi Quốc Cường	Quản lý công	SĐH	
130	MPMAG22002	Đỗ Quốc Huy	Quản lý công	SĐH	
131	MPMAG22004	Võ Thị Kim Ngân	Quản lý công	SĐH	
132	MPMAG22005	Lê Thị Ngọc Huỳnh Như	Quản lý công	SĐH	
133	MPMAG22008	Trương Tung Sơn	Quản lý công	SĐH	

STT	MSSV	Họ tên	Ngành	Khoa	Huy chương
134	MPMAG22011	Nguyễn Võ Đình Thịnh	Quản lý công	SĐH	
135	MPMAG22012	Nguyễn Sĩ Trung	Quản lý công	SĐH	
136	MPMAG22013	Nguyễn Ngọc Tuân	Quản lý công	SĐH	
137	MPMAG23015	Cao Hồ Ngọc Linh	Quản lý công	SĐH	
138	MPMAG23028	Nguyễn Bảo Trân	Quản lý công	SĐH	
139	MPMAG23002	Võ Phạm Diễm Chi	Quản lý công	SĐH	
140	MPMAG23004	Vũ Thanh Hải	Quản lý công	SĐH	
141	MPMAG23018	Lâm Sơn Nam	Quản lý công	SĐH	
142	MPMAG23019	Trần Thanh Nghị	Quản lý công	SĐH	
143	MPMAG23022	Nguyễn Duy Phương	Quản lý công	SĐH	
144	MPMAG23031	Phan Thanh Trúc	Quản lý công	SĐH	
145	MPMBT24009	Tôn Đức Lộc	Quản lý công	SĐH	
146	BTBTWE20016	HỒ LÊ THANH NGÂN	Applied Biomedical Science	BT	First Class
147	BTBTWE21068	MAI LÊ CHÍ BẢO	Applied Biomedical Science	BT	First Class
148	BTBTWE21072	BÙI DUY PHÚC	Applied Biomedical Science	BT	First Class
149	BTBTWE21105	DƯ NGỌC TƯỜNG VI	Applied Biomedical Science	BT	First Class
150	BTBTWE21113	TRẦN VĨNH BẢO NGỌC	Applied Biomedical Science	BT	First Class
151	BTBTWE22028	TRẦN BẢO NGHI	Applied Biomedical Science	BT	First Class
152	BTBTWE22064	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	Applied Biomedical Science	BT	First Class
153	BTBTWE22134	LÊ HUỲNH KHÁNH ĐOAN	Applied Biomedical Science	BT	First Class
154	BTBTWE22139	NGUYỄN HUỲNH THY NHÂN	Applied Biomedical Science	BT	First Class
155	BTBTWE22145	BÙI NGUYỄN MINH TRÍ	Applied Biomedical Science	BT	First Class
156	BTBTWE20009	NGUYỄN THẢO THANH AN	Applied Biomedical Science	BT	
157	BTBTWE20013	NGUYỄN TUẤN HUY	Applied Biomedical Science	BT	
158	BTBTWE20027	HỒ NGUYỄN BẢO ANH	Applied Biomedical Science	BT	
159	BTBTWE21063	LÊ PHẠM NGỌC TRÂM	Applied Biomedical Science	BT	
160	BTBTWE21099	PHẠM LÊ MINH THƯ	Applied Biomedical Science	BT	
161	BTBTWE22142	ĐẶNG MINH ANH	Applied Biomedical Science	BT	
162	ITITWE20023	PHẠM ĐỒNG HẢI	Information Technology	IT	First Class
163	ITITWE20026	PHẠM VŨ BẢO	Information Technology	IT	First Class
164	ITITWE21082	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Information Technology	IT	First Class
165	ITITWE21098	NGUYỄN MINH HOÀNG	Information Technology	IT	First Class
166	ITITWE21113	BẠCH HUY HOÀNG	Information Technology	IT	First Class
167	ITITWE21117	NGÔ LÊ THIỀN ÂN	Information Technology	IT	First Class
168	ITITWE21121	PHAN TRUNG TÍN	Information Technology	IT	First Class
169	ITITWE19023	NGUYỄN TẤN TÀI	Information Technology	IT	
170	ITITWE20008	ĐINH HOÀNG THẢO NGUYÊN	Information Technology	IT	
171	ITITWE20017	HỒ HOÀNG DŨNG	Information Technology	IT	
172	ITITWE20032	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Information Technology	IT	
173	ENENWE21285	TRẦN HỒ THỦY TIÊN	English Language and Linguistics	EN	First class
174	ENENWE21388	NGUYỄN HẠNH QUỲNH	English Language and Linguistics	EN	First class
175	ENENWE21454	ĐẶNG NGUYỄN TÚ ANH	English Language and Linguistics	EN	First class
176	ENENWE22224	HUỲNH MINH MẪN	English Language and Linguistics	EN	First class
177	ENENWE22256	NGUYỄN HỮU LỢI	English Language and Linguistics	EN	First class
178	ENENWE22275	LÊ MẪN TUỆ	English Language and Linguistics	EN	First class
179	ENENWE22289	NGUYỄN CAO THANH LOAN	English Language and Linguistics	EN	First class
180	ENENWE22329	PHAN THẢO QUYÊN	English Language and Linguistics	EN	First class
181	ENENWE22339	HOÀNG THỊ THANH TÚ	English Language and Linguistics	EN	First class
182	ENENWE22399	NGÔ THỊ TRÚC QUỲNH	English Language and Linguistics	EN	First class
183	ENENWE22407	LƯƠNG THỊ MINH TRANG	English Language and Linguistics	EN	First class
184	ENENWE22410	TRẦN THỊ THANH HUỆ	English Language and Linguistics	EN	First class
185	ENENWE20003	NGUYỄN MAI PHƯƠNG VY	English Language and Linguistics	EN	
186	ENENWE20048	TRẦN THU QUYÊN	English Language and Linguistics	EN	
187	ENENWE20053	NGUYỄN THỊ THANH TRUNG	English Language and Linguistics	EN	
188	ENENWE20065	NGUYỄN PHAN ĐOAN THƯ	English Language and Linguistics	EN	
189	ENENWE20066	ĐỖ HỒNG HẠNH DUNG	English Language and Linguistics	EN	
190	ENENWE21038	TRẦN KHÁNH VÂN	English Language and Linguistics	EN	
191	ENENWE21187	NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	English Language and Linguistics	EN	
192	ENENWE21189	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	English Language and Linguistics	EN	
193	ENENWE21198	TRẦN THỊ MỸ KIM	English Language and Linguistics	EN	
194	ENENWE21202	TẠ KHẢI LONG	English Language and Linguistics	EN	
195	ENENWE21236	TRƯƠNG GIA HÂN	English Language and Linguistics	EN	
196	ENENWE21248	VÕ TRẦN TRÚC KHUÊ	English Language and Linguistics	EN	
197	ENENWE21265	TRƯƠNG HOÀNG BẢO NGHI	English Language and Linguistics	EN	
198	ENENWE21269	NGUYỄN HỒNG KIM NGUYÊN	English Language and Linguistics	EN	
199	ENENWE21273	HỒ HOÀNG QUỲNH NHƯ	English Language and Linguistics	EN	
200	ENENWE21300	LÊ THỊ NHƯ Ý	English Language and Linguistics	EN	
201	ENENWE21301	LƯƠNG NGUYỄN BÍCH Ý	English Language and Linguistics	EN	

STT	MSSV	Họ tên	Ngành	Khoa	Huy chương
202	ENENWE21311	NGUYỄN QUỲNH ANH	English Language and Linguistics	EN	
203	ENENWE21326	NGUYỄN NGỌC DUNG	English Language and Linguistics	EN	
204	ENENWE21331	HỒ TRƯƠNG NGỌC HÂN	English Language and Linguistics	EN	
205	ENENWE21332	PHẠM GIA HÂN	English Language and Linguistics	EN	
206	ENENWE21333	NGUYỄN VĨNH HÂN	English Language and Linguistics	EN	
207	ENENWE21336	NGUYỄN NGỌC DIỆU HƯƠNG	English Language and Linguistics	EN	
208	ENENWE21341	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG KHANH	English Language and Linguistics	EN	
209	ENENWE21347	TRẦN BÍCH KHUÊ	English Language and Linguistics	EN	
210	ENENWE21352	HOÀNG ÁNH LINH	English Language and Linguistics	EN	
211	ENENWE21353	NGUYỄN THUỲ LINH	English Language and Linguistics	EN	
212	ENENWE21354	PHẠM ĐÀO HOÀI LINH	English Language and Linguistics	EN	
213	ENENWE21364	LÂM PHƯƠNG NGÂN	English Language and Linguistics	EN	
214	ENENWE21370	NGUYỄN LÊ NHƯ NGỌC	English Language and Linguistics	EN	
215	ENENWE21389	VŨ NHƯ QUỲNH	English Language and Linguistics	EN	
216	ENENWE21394	MAI LONG TÂN	English Language and Linguistics	EN	
217	ENENWE21404	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	English Language and Linguistics	EN	
218	ENENWE21428	LÊ THỊ THANH VÂN	English Language and Linguistics	EN	
219	ENENWE21435	ĐẶNG NGỌC LY	English Language and Linguistics	EN	
220	ENENWE21437	NGUYỄN THỊ MINH THI	English Language and Linguistics	EN	
221	ENENWE21452	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	English Language and Linguistics	EN	
222	ENENWE21460	NGUYỄN QUỐC NGUYÊN	English Language and Linguistics	EN	
223	ENENWE21461	NGUYỄN NGỌC BẢO ANH	English Language and Linguistics	EN	
224	ENENWE22014	TRẦN THỊ TUYẾT ANH	English Language and Linguistics	EN	
225	ENENWE22060	VŨ MINH HUY	English Language and Linguistics	EN	
226	ENENWE22069	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	English Language and Linguistics	EN	
227	ENENWE22073	NGUYỄN TRANG HIẾU LAM	English Language and Linguistics	EN	
228	ENENWE22089	TRƯƠNG QUỐC LUÂN	English Language and Linguistics	EN	
229	ENENWE22090	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	English Language and Linguistics	EN	
230	ENENWE22145	DƯƠNG THÀNH SƠN	English Language and Linguistics	EN	
231	ENENWE22193	LÊ NGỌC TƯỜNG VY	English Language and Linguistics	EN	
232	ENENWE22219	PHẠM MINH CƯỜNG	English Language and Linguistics	EN	
233	ENENWE22240	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	English Language and Linguistics	EN	
234	ENENWE22247	HỒ CAO KHẢ NHI	English Language and Linguistics	EN	
235	ENENWE22268	PHAN BẢO NGỌC	English Language and Linguistics	EN	
236	ENENWE22284	NGUYỄN NHÃ UYÊN	English Language and Linguistics	EN	
237	ENENWE22300	PHAN THÙY TRANG	English Language and Linguistics	EN	
238	ENENWE22309	TRẦN NGUYỄN MAI PHƯƠNG	English Language and Linguistics	EN	
239	ENENWE22324	NGUYỄN THẢO VY	English Language and Linguistics	EN	
240	ENENWE22351	HÀ PHƯƠNG MINH	English Language and Linguistics	EN	
241	ENENWE22390	TRIỆU NGUYỄN THANH THƯ	English Language and Linguistics	EN	
242	ENENWE22409	PHAN MỸ ANH	English Language and Linguistics	EN	
243	ENENWE22429	NGUYỄN CAO THIÊN PHÚC	English Language and Linguistics	EN	
244	ENENWE22431	NGUYỄN ANH VŨ	English Language and Linguistics	EN	
245	ENENWE22434	TRẦN KHÔI NGUYÊN	English Language and Linguistics	EN	
246	ENENWE22445	NGUYỄN NGỌC THANH THANH	English Language and Linguistics	EN	
247	ENENWE22459	HOÀNG MINH CHÂU	English Language and Linguistics	EN	
248	ENENWE22461	ĐỖ ĐẶNG LÝ LÊ	English Language and Linguistics	EN	
249	ENENWE23112	ĐỖ THỊ TRANG	English Language and Linguistics	EN	
250	BABAWE21390	LÊ NHẬT NHÂN	Business Management with Marketing	BA	First Class
251	BABAWE21541	LÊ TRẦN THIÊN LÝ	Business and Management	BA	First Class
252	BABAWE21567	LÊ HOÀNG PHƯƠNG NGHI	Business Management with Marketing	BA	First Class
253	BABAWE21664	SHIM SANGKYUN	Business and Management	BA	First Class
254	BABAWE21750	NGÔ ĐAN TRÀ	Business and Management	BA	First Class
255	BABAWE19125	DƯƠNG TIẾN TÀI	Business and Event Management	BA	
256	BABAWE19178	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Business and Event Management	BA	
257	BABAWE19185	HỒ THÙY TỐ THANH	Business and Event Management	BA	
258	BABAWE19356	DƯƠNG QUỐC TRUNG	Business and Event Management	BA	
259	BABAWE20044	TRƯƠNG MỘNG SONG DÂN	Business and Event Management	BA	
260	BABAWE20259	NGUYỄN TÚ HÀ KHANH	Business and Event Management	BA	
261	BABAWE21760	HUỲNH THỊ KIM HẰNG	Business and Event Management	BA	
262	BABAWE21762	NGUYỄN HỒNG MINH PHƯƠNG	Business and Event Management	BA	
263	BABAWE22237	DƯƠNG QUỲNH NHƯ	Business and Event Management	BA	
264	BABAWE18721	BÙI TRẦN HOÀNG NAM	Business and Human Resource Management	BA	
265	BABAWE18730	NGUYỄN HỮU ĐẠT	Business and Human Resource Management	BA	
266	BABAWE18737	LÊ MỸ NGÂN	Business and Human Resource Management	BA	
267	BABAWE19166	LƯ VŨ KHÁNH VY	Business and Human Resource Management	BA	
268	BABAWE19284	NGUYỄN NGỌC HỒNG VY	Business and Human Resource Management	BA	
269	BABAWE19369	PHAN THỊ DUYÊN ANH	Business and Human Resource Management	BA	

STT	MSSV	Họ tên	Ngành	Khoa	Huy chương
270	BABAWE20002	VÕ THÙY NGÂN	Business and Human Resource Management	BA	
271	BABAWE20094	PHẠM THỊ THÀNH MỸ	Business and Human Resource Management	BA	
272	BABAWE20188	CAO THANH MAI ANH	Business and Human Resource Management	BA	
273	BABAWE20229	TRẦN HOÀNG BẢO NGÂN	Business and Human Resource Management	BA	
274	BABAWE20237	THÁI TRƯƠNG THÀNH ĐÔ	Business and Human Resource Management	BA	
275	BABAWE20251	PHAN THỊ NGỌC UYÊN	Business and Human Resource Management	BA	
276	BABAWE20275	LÊ HOÀNG TÂM ANH	Business and Human Resource Management	BA	
277	BABAWE21452	NGUYỄN QUỲNH ANH	Business and Human Resource Management	BA	
278	BABAWE21526	ĐỖ MINH KHÔI	Business and Human Resource Management	BA	
279	BABAWE21535	BÙI VŨ KHÁNH LINH	Business and Human Resource Management	BA	
280	BABAWE21641	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	Business and Human Resource Management	BA	
281	BABAWE21688	NGUYỄN THUÝ NGỌC	Business and Human Resource Management	BA	
282	BABAWE21733	DƯƠNG NGÂN HÀ	Business and Human Resource Management	BA	
283	BABAWE21764	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Business and Human Resource Management	BA	
284	BABAWE15397	ĐOÀN ANH TUẤN	Business and Management	BA	
285	BABAWE17039	LÊ HOÀNG	Business and Management	BA	
286	BABAWE18469	LÊ THU HÀ	Business and Management	BA	
287	BABAWE18686	VÕ GIA BẢO	Business and Management	BA	
288	BABAWE18707	TRẦN TRUNG HIẾU	Business and Management	BA	
289	BABAWE18745	ĐỖ LƯU KHÁNH HUYỀN	Business and Management	BA	
290	BABAWE19197	NÔNG VIỆT HÙNG	Business and Management	BA	
291	BABAWE20028	NGUYỄN HẢI MINH TOÀN	Business and Management	BA	
292	BABAWE20154	TRẦN BÍCH KHUÊ	Business and Management	BA	
293	BABAWE20171	ĐỖ THÁI HOÀNG ANH	Business and Management	BA	
294	BABAWE20182	NGUYỄN NGÔ ĐÌNH PHAN	Business and Management	BA	
295	BABAWE20184	LÊ HỒ KIM ANH	Business and Management	BA	
296	BABAWE21027	LÊ NHƯ QUỲNH	Business and Management	BA	
297	BABAWE21031	NGUYỄN THỊ QUẾ TRÂN	Business and Management	BA	
298	BABAWE21249	NGUYỄN ĐỨC DUY	Business and Management	BA	
299	BABAWE21401	BÙI HOÀNG PHỤNG	Business and Management	BA	
300	BABAWE21408	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	Business and Management	BA	
301	BABAWE21417	PHAN ANH TÍN	Business and Management	BA	
302	BABAWE21422	ĐỖ NGỌC THÙY TRANG	Business and Management	BA	
303	BABAWE21443	NGUYỄN HỒ HOÀNG ANH	Business and Management	BA	
304	BABAWE21447	HUỲNH CHIỀU ANH	Business and Management	BA	
305	BABAWE21472	BÙI LÊ XUÂN BÍCH	Business and Management	BA	
306	BABAWE21503	PHẠM THU HIỀN	Business and Management	BA	
307	BABAWE21509	HỨA GIA HUY	Business and Management	BA	
308	BABAWE21516	BÙI VŨ KHANG	Business and Management	BA	
309	BABAWE21534	TRẦN MINH KHÁNH LINH	Business and Management	BA	
310	BABAWE21540	ĐỖ THÀNH LỘC	Business and Management	BA	
311	BABAWE21589	TRẦN THANH PHONG	Business and Management	BA	
312	BABAWE21609	VŨ NHẬT SANG	Business and Management	BA	
313	BABAWE21611	DƯƠNG THỊ MINH TÂM	Business and Management	BA	
314	BABAWE21628	LÊ THỊ NGỌC THƯ	Business and Management	BA	
315	BABAWE21633	PHAN HUỲNH THANH THỦY	Business and Management	BA	
316	BABAWE21635	NGUYỄN THỊ NGỌC TIÊN	Business and Management	BA	
317	BABAWE21657	NGUYỄN TRIỆU VY	Business and Management	BA	
318	BABAWE21701	NGUYỄN THU HIỀN	Business and Management	BA	
319	BABAWE21705	PHẠM HOÀNG ANH	Business and Management	BA	
320	BABAWE21708	NGUYỄN MINH KHANG	Business and Management	BA	
321	BABAWE21709	BÙI LÊ UYÊN NHI	Business and Management	BA	
322	BABAWE21710	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Business and Management	BA	
323	BABAWE21736	ĐÀO MINH QUÂN	Business and Management	BA	
324	BABAWE21745	ĐOÀN THỊ NHƯ NGỌC	Business and Management	BA	
325	BABAWE21751	NGÔ ĐAN TRINH	Business and Management	BA	
326	BABAWE22087	LÊ THỊ YẾN NHI	Business and Management	BA	
327	BABAWE22351	ĐOÀN THÀNH NGUYÊN	Business and Management	BA	
328	BABAWE22356	LÊ HUỲNH KHÁNH ĐOAN	Business and Management	BA	
329	BABAWE22368	TRƯƠNG MỸ HOA	Business and Management	BA	
330	BABAWE22401	PHẠM MAI NGỌC	Business and Management	BA	
331	BABAWE23092	NGUYỄN THỊ HOÀNG THƠ	Business and Management	BA	
332	BABAWE17454	LẠI MINH HÙNG	Business Management with Marketing	BA	
333	BABAWE17457	VÕ HOÀNG PHÁT	Business Management with Marketing	BA	
334	BABAWE17474	LÊ HỮU HIẾU	Business Management with Marketing	BA	
335	BABAWE18752	NGUYỄN BÙI PHÚC HẢI LONG	Business Management with Marketing	BA	
336	BABAWE19048	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Business Management with Marketing	BA	
337	BABAWE19055	CHÂU NGUYỄN HOÀNG KHANG	Business Management with Marketing	BA	

STT	MSSV	Họ tên	Ngành	Khoa	Huy chương
338	BABAWE19223	PHẠM THANH PHƯƠNG	Business Management with Marketing	BA	
339	BABAWE19293	NGUYỄN QUANG HUY	Business Management with Marketing	BA	
340	BABAWE19311	NGUYỄN THỊ MAI THẢO	Business Management with Marketing	BA	
341	BABAWE19335	NGUYỄN THỊ HOÀNG MỸ	Business Management with Marketing	BA	
342	BABAWE19358	TUỐT GIA HOÀNG	Business Management with Marketing	BA	
343	BABAWE19366	VŨ HOÀNG LONG	Business Management with Marketing	BA	
344	BABAWE19370	LÊ TƯỜNG VY	Business Management with Marketing	BA	
345	BABAWE20061	ĐỖ THỤY MINH NGỌC	Business Management with Marketing	BA	
346	BABAWE20095	NGUYỄN NGỌC MỸ	Business Management with Marketing	BA	
347	BABAWE20152	HOÀNG THỊ KHÁNH HÀ	Business Management with Marketing	BA	
348	BABAWE20186	HUỲNH THỊ THUÝ VY	Business Management with Marketing	BA	
349	BABAWE20212	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Business Management with Marketing	BA	
350	BABAWE20218	PHAN NHẬT TRƯỜNG	Business Management with Marketing	BA	
351	BABAWE20220	PHẠM HOÀNG MAI PHƯƠNG	Business Management with Marketing	BA	
352	BABAWE20248	LÊ THIÊN PHÚC	Business Management with Marketing	BA	
353	BABAWE20258	LÊ KHÁNH TOÀN	Business Management with Marketing	BA	
354	BABAWE20268	NGUYỄN CAO THẮNG	Business Management with Marketing	BA	
355	BABAWE21247	TRẦN PHƯƠNG DUNG	Business Management with Marketing	BA	
356	BABAWE21260	VŨ THÚY HIỀN	Business Management with Marketing	BA	
357	BABAWE21272	TRẦN ANH KIỆT	Business Management with Marketing	BA	
358	BABAWE21340	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Business Management with Marketing	BA	
359	BABAWE21371	NGUYỄN NGỌC KHÁNH HUYỀN	Business Management with Marketing	BA	
360	BABAWE21376	NGUYỄN HOÀNG MINH KHUÊ	Business Management with Marketing	BA	
361	BABAWE21411	NGUYỄN HOÀNG THANH	Business Management with Marketing	BA	
362	BABAWE21414	PHẠM THỊ MINH THƯ	Business Management with Marketing	BA	
363	BABAWE21421	ĐÀO THỊ MINH TRANG	Business Management with Marketing	BA	
364	BABAWE21441	BÙI MẪN ÂN	Business Management with Marketing	BA	
365	BABAWE21458	PHẠM HOÀNG QUỲNH ANH	Business Management with Marketing	BA	
366	BABAWE21463	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	Business Management with Marketing	BA	
367	BABAWE21464	TÔ NGỌC ANH	Business Management with Marketing	BA	
368	BABAWE21465	HOÀNG TRANG MINH ANH	Business Management with Marketing	BA	
369	BABAWE21482	NGUYỄN MINH ĐẠT	Business Management with Marketing	BA	
370	BABAWE21496	ĐÀO GIA HÂN	Business Management with Marketing	BA	
371	BABAWE21512	PHÙNG QUANG HUY	Business Management with Marketing	BA	
372	BABAWE21537	NGÔ ĐOÀN PHƯƠNG LINH	Business Management with Marketing	BA	
373	BABAWE21538	HOÀNG DIỆU LINH	Business Management with Marketing	BA	
374	BABAWE21560	NGUYỄN TỐ NGA	Business Management with Marketing	BA	
375	BABAWE21564	VÕ NGỌC KIM NGÂN	Business Management with Marketing	BA	
376	BABAWE21572	LÊ KIM NGỌC	Business Management with Marketing	BA	
377	BABAWE21591	LƯU HOÀNG PHÚC	Business Management with Marketing	BA	
378	BABAWE21604	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Business Management with Marketing	BA	
379	BABAWE21623	ĐOÀN HƯNG THỊNH	Business Management with Marketing	BA	
380	BABAWE21694	QUẾ CAO TẤN	Business Management with Marketing	BA	
381	BABAWE21707	NGUYỄN LÊ NHẬT HOA	Business Management with Marketing	BA	
382	BABAWE21727	BÙI PHẠM THỤC ĐOAN	Business Management with Marketing	BA	
383	BABAWE21734	TRƯƠNG VÂN ANH	Business Management with Marketing	BA	
384	BABAWE21735	LÊ NGUYỄN THIÊN KIM	Business Management with Marketing	BA	
385	BABAWE21740	NGÔ CÔNG THÀNH	Business Management with Marketing	BA	
386	BABAWE21741	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	Business Management with Marketing	BA	
387	BABAWE21744	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THƯ	Business Management with Marketing	BA	
388	BABAWE22010	PHẠM TUẤN ANH	Business Management with Marketing	BA	
389	BABAWE22028	TRẦN DUY GIA HÂN	Business Management with Marketing	BA	
390	BABAWE22321	NGUYỄN NHẬT THY	Business Management with Marketing	BA	
391	BABAWE22358	ĐINH NGỌC KHÁNH	Business Management with Marketing	BA	
392	BABAWE22374	ĐẶNG TRUNG HẢI	Business Management with Marketing	BA	
393	BABAWE22382	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Business Management with Marketing	BA	
394	BABAWE22393	PHÙNG DƯƠNG TRÚC QUYÊN	Business Management with Marketing	BA	
395	BABAWE22411	NGUYỄN DIỆU MY	Business Management with Marketing	BA	
396	BABAWE22425	PHẠM PHƯƠNG NHI	Business Management with Marketing	BA	
397	BABAAD19008	TRẦN ĐĂNG KHOA		AD	
398	BABAAD19009	PHÙNG CÔNG LÂM		AD	
399	BABAAD20016	NGUYỄN HẢI ĐĂNG		AD	